

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 172/2004/NĐ-CP ngày 29/9/2004 quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân
dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng
11 năm 2003;*

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện).

2. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm có Phòng và cơ quan tương đương Phòng (sau đây gọi chung là Phòng).

3. Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan của Trung ương được tổ chức theo ngành dọc, cơ quan của Sở và cơ quan tương đương Sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Sở) đặt tại huyện không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tinh gọn, hợp lý, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn cấp huyện và bảo đảm sự thống nhất quản lý ngành, lĩnh vực từ tỉnh đến cơ sở.

2. Tổ chức quản lý đa ngành, đa lĩnh vực công tác trên địa bàn cấp huyện; không nhất thiết ở cấp tỉnh có Sở nào thì cấp huyện có tổ chức tương ứng.

3. Phù hợp với điều kiện tự nhiên, dân số, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện và yêu cầu cải cách hành chính nhà nước.

4. Thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập cơ quan chuyên môn được quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Vị trí và chức năng của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy

ban nhân dân cấp huyện là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

3. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch

sau khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao.

5. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp giấy phép kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn cho công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã).

8. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở quản lý ngành, lĩnh vực.

10. Kiểm tra, thanh tra theo ngành,

lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chuyên môn cấp huyện theo quy định của pháp luật, theo phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

12. Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

13. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

Điều 5. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn do mình phụ trách.

2. Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện là người giúp Thủ trưởng chỉ đạo một số

mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Thủ trưởng về nhiệm vụ được phân công. Khi Thủ trưởng vắng mặt một Phó Thủ trưởng được Thủ trưởng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của cơ quan chuyên môn cấp huyện.

Số lượng Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không quá 2 người.

3. Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Thủ trưởng và Phó Thủ trưởng cơ quan chuyên môn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chế độ làm việc và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Cơ quan chuyên môn làm việc theo chế độ thủ trưởng.

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp huyện căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế đó.

3. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp huyện chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình và các công việc được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phân công hoặc ủy quyền; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và

chịu trách nhiệm khi để xảy ra tình trạng tham nhũng, gây thiệt hại trong tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của mình.

4. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn cấp huyện có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở quản lý ngành, lĩnh vực về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng cấp khi được yêu cầu; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Chương II

TỔ CHỨC CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Điều 7. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được tổ chức thống nhất

1. Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nội vụ, lao động - thương binh và xã hội.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về

tài chính, kế hoạch, đầu tư, đăng ký kinh doanh.

3. Phòng Giáo dục: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông dân tộc bán trú; trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp cấp huyện.

4. Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình.

5. Phòng Y tế: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, gồm: y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, y học cổ truyền, thuốc phòng chữa bệnh cho người, mỹ phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, an toàn vệ sinh thực phẩm và trang thiết bị y tế.

6. Phòng Tài nguyên và Môi trường: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường.

7. Phòng Tư pháp: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, thi hành án

dân sự, chứng thực, hộ tịch, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở và các công tác tư pháp khác.

8. Phòng Kinh tế: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, định canh, định cư, kinh tế mới, khoa học công nghệ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch và hợp tác xã.

9. Phòng Hạ tầng kinh tế (đối với quận, thị xã, thành phố thành lập Phòng Quản lý đô thị): tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở, giao thông, bưu chính, viễn thông.

Phòng Quản lý đô thị: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kiến trúc, quy hoạch, xây dựng, nhà ở và công sở, vật liệu xây dựng, giao thông, bưu chính, viễn thông.

10. Thanh tra huyện là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính trong phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

11. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em: tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân

cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về dân số, gia đình và trẻ em.

12. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan tham mưu, tổng hợp giúp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện như sau:

a) Tổ chức phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân và tham mưu một số công việc do Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện giao;

b) Tổ chức các hoạt động của Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân trong chỉ đạo, điều hành các hoạt động chung của bộ máy hành chính nhà nước; giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc điều hòa, phối hợp hoạt động của các cơ quan chuyên môn cùng cấp, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; bảo đảm các điều kiện vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác ngoại vụ, thi đua khen thưởng;

c) Đối với huyện không đủ tiêu chí để thành lập cơ quan làm công tác tôn giáo, dân tộc thì Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện còn đảm nhiệm chức năng tham mưu, giúp

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về các lĩnh vực này.

Điều 8. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được tổ chức theo đặc thù của từng địa phương

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, năng lực cán bộ và yêu cầu quản lý nhà nước trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể có các cơ quan chuyên môn sau:

1. Phòng Tôn giáo: tiêu chí thành lập Phòng Tôn giáo ở cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 22/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Phòng Dân tộc: tiêu chí thành lập Phòng Dân tộc ở cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp.

3. Phòng Kinh tế: có thể tách thành 2 phòng riêng; tên gọi của Phòng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Căn cứ vào các điều kiện cụ thể của từng huyện đảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng và tên gọi các Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện đảo. Số lượng các Phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện đảo không quá 10 Phòng.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ TỔ CHỨC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN

Điều 9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện cơ chế “một cửa” tại Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:

a) Phê chuẩn cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

b) Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

3. Hướng dẫn cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của Nghị định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

4. Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện tổ chức các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 10. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề án thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị định này;

2. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cụ thể của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 11. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Bổ nhiệm Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo tiêu chuẩn, chức danh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (riêng việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Chánh Thanh tra cấp huyện thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra);

2. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện với Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện sau 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Bãi bỏ Nghị định số 86/HĐBT ngày 04 tháng 8 năm 1983 của Hội đồng Bộ trưởng về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Quyết định số 202/CP ngày 26 tháng 5 năm 1981 của Hội đồng Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức làm việc của bộ máy chính quyền thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Nghị định số 01/1998/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ về hệ thống y tế địa phương, Nghị định số 12/2001/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Chính phủ về việc tổ chức lại một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức triển khai Nghị định này và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 quy định về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Thi hành án dân sự ngày 14 tháng 01 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thi hành án dân sự về thủ tục, cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "*Người được thi hành án*" là cá nhân, tổ chức được hưởng quyền và lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

2. "*Người phải thi hành án*" là cá nhân, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

3. "*Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*" là cá nhân, tổ chức có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

4. "*Người đại diện*" trong thi hành án dân sự là người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền nhằm thực hiện quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án.